

ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T16XDD
TÊN HỌC PHẦN: CƠ HỌC ĐẤT
M? H Ọ C PHẦN : MEC - 316

H Ọ C K Ỳ 3
T Ỉ N C Ẫ 2
L ẦN T H I 1

Ngày thi: 10/01/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	152210186	ĐOÀN VIỆT	VUÔNG	T16XDD1	7			7.5		4			4	5.0	Nằm		
2	168211980	TRẦN TẤN	ANH	T16XDD1	9			6.5		7.5			5	6.2	Sầu pháy Hai		
3	168211983	HOÀNG THÁI	B?NH	T16XDD1	8			6		5.5			5	5.7	Nằm pháy Baý		
4	168211984	NGUYỄN TẤT	CẦN	T16XDD1	6			8		7.5			5.5	6.3	Sầu pháy Ba		
5	168211985	HUỖNH NGOC	CHÍ	T16XDD1	10			7		7			4.5	6.1	Sầu pháy Mất		
6	168211986	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	T16XDD1	10			7		7			4	5.8	Nằm pháy Tầm		
7	168211987	PHẠM NGOC	CÔNG	T16XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
8	168211989	NGUYỄN CAO	CUÔNG	T16XDD1	8			7.5		8			3	0.0	Khăng		
9	168211990	NGUYỄN VĂN	DUNG	T16XDD1	8			7		6			2	0.0	Khăng		
10	168211993	PHẠM VIỆT	HẢI	T16XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
11	168211994	ĐOÀN CÔNG	HẢI	T16XDD1	8			8		7			3	0.0	Khăng		
12	168211995	TRẦN VĂN	HẢI	T16XDD1	10			7.5		7			8	8.1	Tầm pháy Mất		
13	168211996	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀNG	T16XDD1	10			8		7			8.5	8.4	Tầm pháy Bấu		
14	168211998	PHẠM VĂN	HẠNH	T16XDD1	10			6.5		7.5			3	0.0	Khăng		
15	168212000	NGUYỄN NGOC	HIẾU	T16XDD1	7			7		8			6.5	6.9	Sầu pháy Chên		
16	168212001	TRẦN XUÂN	HIẾU	T16XDD1	8			8.5		8			9	8.6	Tầm pháy Sầu		
17	168212002	BÙI THANH	H?A	T16XDD1	9			8		7.5			5	6.4	Sầu pháy Bấu		
18	168212003	NGUYỄN VĂN	H?A	T16XDD1	6			6		6.5			5	5.5	Nằm pháy Nằm		
19	168212006	NGUYỄN QUỐC	HUY	T16XDD1	10			7.5		7			7	7.5	Baý pháy Nằm		
20	168212007	NGUYỄN	KẾ	T16XDD1	10			8		8			7.5	8.0	Tầm		
21	168212008	TRẦN THANH	KHÁNG	T16XDD1	7			7		7			8	7.6	Baý pháy Sầu		
22	168212010	TRƯƠNG QUỐC	KHÁNH	T16XDD1	7			8		6.5			6	6.5	Sầu pháy Nằm		
23	168212011	ĐINH VĂN	KHOA	T16XDD1	9			7		7.5			6	6.8	Sầu pháy Tầm		
24	168212012	NGUYỄN L Ữ Đ?NH	KỶ	T16XDD1	7			8		7			4	5.5	Nằm pháy Nằm		
25	168212013	HỒ ĐẮC	LINH	T16XDD1	9			7.5		7			5	6.3	Sầu pháy Ba		
26	168212014	NGUYỄN TẤN	L Ự C	T16XDD1	7			8		7.5			4	5.6	Nằm pháy Sầu		
27	168212015	BÙI VĂN	MINH	T16XDD1	8			7		6			3	0.0	Khăng		
28	168212016	L Ữ TRỌNG	MINH	T16XDD1	8			8		7			5	6.2	Sầu pháy Hai		
29	168212017	PHẠM THANH	M Ờ I	T16XDD1	7			6.5		6.5			4.5	5.5	Nằm pháy Nằm		
30	168212020	D Ờ NG H Ọ NG	NAM	T16XDD1	10			8		6			6.5	7.2	Baý pháy Hai		
31	168212022	NGUYỄN S Ỡ	NGUYỄN	T16XDD1	7			5		7			2.5	0.0	Khăng		
32	168212025	ĐẶNG VĂN	NHÂN	T16XDD1	6			8.5		7			2	0.0	Khăng		
33	168212051	LÊ THANH	TRỌNG	T16XDD1	6			8		7.5			8	7.6	Baý pháy Sầu		
34	168222065	ĐẶNG QUỐC	B ẢO	T16XDD1	9			7		7.5			4	5.7	Nằm pháy Baý		
35	168222077	BÙI NGUYỄN HỒNG	H Ậ I	T16XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
36	168222091	BÙI NGUYỄN HỒNG	LINH	T16XDD1	7			8.5		7			4	5.6	Nằm pháy Sầu		
37	152210247	ĐẶNG S Ỡ	TRỌNG	T16XDD1	6			0		5			V	0.0	Khăng		
38	168211999	NGUYỄN VĂN	HIỀN	T16XDD2	9			7		5			5	5.9	Nằm pháy Chên		
39	168212009	NGUYỄN VĂN	KHANH	T16XDD2	8			6.5		9			4.5	6.0	Sầu		
40	168212021	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	T16XDD2	8			7		0			6.5	5.8	Nằm pháy Tầm		

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
41	168212023	PHAN Đ?NH	NHÂN	T16XDD2	10			7.5		7.5			6.5	7.3	Baý pháý Ba	
42	168212026	NGÔ CÔNG	PHI	T16XDD2	8			7		7			4	5.5	Nằm pháý Nằm	
43	168212027	LÊ MINH	PHÚ	T16XDD2	10			6		7.5			7	7.4	Baý pháý Bấu	
44	168212032	HUỲNH HOÀNG	QUỐC	T16XDD2	9			6		7.5			4	5.6	Nằm pháý Sầu	
45	168212033	V? MINH	QUỐC	T16XDD2	9			7		7			1	0.0	Khăng	
46	168212034	HÀ TÂN	QUỐC	T16XDD2	5			7.5		6			V	0.0	Khăng	
47	168212036	TRƯỜNG NGUYỄN	SA	T16XDD2	10			8.5		5			5.5	6.6	Sầu pháý Sầu	
48	168212037	ĐẶNG VĂN	SỈ	T16XDD2	9			7.5		6.5			4	5.7	Nằm pháý Baý	
49	168212038	NGUYỄN MINH	TÂM	T16XDD2	9			6.5		7			6	6.7	Sầu pháý Baý	
50	168212041	ĐÌNH QUANG	THANH	T16XDD2	10			7.5		7			6	7.0	Baý	
51	168212042	PHẠM TRUNG	THÀNH	T16XDD2	8			7.5		7			8.5	8.1	Tầm pháý Mấu	
52	168212043	TRẦN TÀI	THÀNH	T16XDD2	7			6		8			5	5.9	Nằm pháý Chên	
53	168212044	ĐẶNG TRUNG	THÀNH	T16XDD2	6			7		6			5.5	5.9	Nằm pháý Chên	
54	168212045	LÊ PHỈ	THẠNH	T16XDD2	6			7.5		7			4	5.3	Nằm pháý Ba	
55	168212050	NGUYỄN CÔNG	TRÔI	T16XDD2	7			0		7			2	0.0	Khăng	
56	168212052	NGUYỄN THANH	TRUNG	T16XDD2	8			7		7.5			4	5.6	Nằm pháý Sầu	
57	168212053	PHẠM MINH	TUẤN	T16XDD2	10			7		7.5			5	6.4	Sầu pháý Bấu	
58	168212054	VĂN Đ?NH	TUẤN	T16XDD2	10			7.5		8			8.5	8.5	Tầm pháý Nằm	
59	168212055	NGUYỄN XUÂN	TY	T16XDD2	9			8		7.5			5	6.4	Sầu pháý Bấu	
60	168212057	NGUYỄN ĐỨC	VINH	T16XDD2	10			7.5		7.5			5	6.5	Sầu pháý Nằm	
61	168212058	PHẠM	VĨNH	T16XDD2	10			7.5		7			6	7.0	Baý	
62	168212060	TRẦN QUANG	VŨ	T16XDD2	7			6		7			4	5.2	Nằm pháý Hai	
63	168212061	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	T16XDD2	10			8		7.5			7	7.7	Baý pháý Baý	
64	168222100	NGUYỄN THANH	NGỌC	T16XDD2	8			7		5			5.5	6.0	Sầu	
65	168222125	TRẦN GIANG	TUÂN	T16XDD2	10			7		6.5			8.5	8.2	Tầm pháý Hai	
66	168222129	NGUYỄN Đ?NH	VINH	T16XDD2	9			7		7.5			5	6.3	Sầu pháý Ba	
1	0234	PHAN THẾ	ĐIỆP	K13XDD	7			7.5		5			6	6.2	Sầu pháý Hai	
2	0180	NGUYỄN VĂN	GIÁP	T14XDD	6			0		7			4	4.2	Bấu pháý Hai	
3	0261	TRẦN PHƯỚC	THUẬN	T14XDD	6			7		7			4	5.2	Nằm pháý Hai	